TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN H** **TỈNH BẮC GIANG**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 91 /2022/HNGĐ-ST
Ngày: 06-12- 2022
V/v: "*Tranh chấp về hôn nhân và gia đình"*

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN H, TỈNH BẮC GIANG

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà Đào Thị Oanh
Các Hội thẩm nhân dân:
1/ Ông Lê Văn Đô
2/ Ông Nguyễn Xuân Hoàng
Thư ký phiên toà: Bà Nguyễn Thị Ngọc-Thư ký Toà án nhân dân huyện Hiệp Hoà, tỉnh Bắc Giang.
Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện H tham gia phiên tòa: ông Ngô Đức Nghiêm - Kiểm sát viên
Ngày 06 tháng 12 năm 2022, tại Hội trường xét xử Toà án nhân dân huyện Hiệp Hoà, xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 286/2022/TLST-HNGĐ ngày 17 tháng 10 năm 2022 về việc "Tranh chấp hôn nhân gia đình" theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 83/2022/QĐXX ST- HNGĐ ngày 21 tháng 11 năm 2022, giữa các đương sự:
Nguyên đơn: anh Hoàng Văn V, sinh năm 1982 *(có mặt)*
Địa chỉ: Thôn H, xã Q, huyện H, tỉnh Bắc Giang.
*Bị đơn***:** Chị Ngô Thị M – sinh năm 1983*(vắng mặt)*
Địa chỉ: Thôn H, xã Q, huyện H, tỉnh Bắc Giang.
Chị Ngô Thị M có đơn xin xét xử vắng mặt

NỘI DUNG VỤ ÁN

Trong đơn xin ly hôn đề ngày 26/8/2022, bản tự khai và các tài liệu có trong hồ sơ vụ án cũng như tại phiên tòa nguyên đơn anh V trình bày: Anh và chị Ngô Thị M kết hôn với nhau ngày 05/12/2001trước khi kết hôn vợ chồng có được tự do tìm hiểu và có đăng ký kết hôn tại trụ sở Ủy ban nhân dân xã Q, huyện H, tỉnh Bắc Giang. Sau khi kết hôn chị M về nhà anh làm dâu ngay và sống chung cùng gia đình. Quá trình chung sống vợ chồng hạnh phúc được 2 năm thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng không hợp nhau, không có tiếng nói chung nên thường xuyên xảy ra tranh cãi dẫn đến rạn nứt về tình cảm. Chị M đã bỏ về nhà

mẹ đẻ ở từ tháng 7/2022 đến nay. Hai bên không còn quan tâm, chăm sóc nhau nữa. Mâu thuẫn vợ chồng không được hai gia đình tiến hành hòa giải. Nay anh V xác định tình cảm vợ chồng giữa anh và chị Ngô Thị M không còn, Anh đề nghị Tòa án nhân dân huyện H giải quyết cho chị được ly hôn chị Ngô Thị M.

Về con chung: Anh V xác định vợ chồng có ba con chung là: Hoàng Thị Ngọc Oanh, sinh ngày 08/12/2002; Hoàng Thanh Tùng, sinh ngày 28/9/2008; Hoàng Phi Dương, sinh ngày 14/8/2015. Hiện nay, các con chung đang ở với anh. Ly hôn anh đề nghị được nuôi hai con chung là Hoàng Thanh Tùng và Hoàng Phi Dương. Anh không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung. Đối với cháu Oanh hiện đã trưởng thành, có khả năng lao động. Ly hôn anh không yêu cầu tòa án giải quyết.

Về tài sản chung,tài sản riêng, công sức, công nợ, nhà ở, quyền sử dụng đất và các quan hệ khác: Anh xác định vợ chồng không có, ly hôn anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn chị Ngô Thị M trình bày: Chị và anh V kết hôn với nhau ngày 05/12/2001 trước khi kết hôn vợ chồng được tự do tìm hiểu và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Q. Sau khi vợ chồng kết hôn chị về nhà anh Vinh làm dâu ngay và chung sống cùng gia đình nhà anh V. Cuộc sống vợ chồng chung sống hạnh phúc được 02 năm thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng không hợp nhau, không có tiếng nói chung trong cả tình cảm vợ chồng và nuôi dạy con cái, làm ăn kinh tế. Chị bỏ về nhà mẹ đẻ ở từ đầu tháng 7/2022 đến nay. Sau khi chị bỏ về nhà mẹ đẻ ở anh V không xuống đón chị về. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng với anh V không còn. Anh V đề nghị Tòa án giải quyết xin ly hôn, chị M đồng ý ly hôn với anh V.

Về con chung: Chị M xác định vợ chồng có ba con chung Hoàng Thị Ngọc Oanh, sinh ngày 08/12/2002; Hoàng Thanh Tùng, sinh ngày 28/9/2008; Hoàng Phi Dương, sinh ngày 14/8/2015. Hiện nay cả ba con chung đang ở với anh V và phát triển bình thường. Hiện nay, cháu Oanh đã trưởng thành, có khả năng lao động. Ly hôn chị không yêu cầu Tòa án giải quyết về việc nuôi cháu Oanh, đối với cháu Tùng và cháu Dương chị đồng ý theo nguyện vọng của các con và đề nghị Tòa án giao cháu Tùng và cháu Dương cho anh V nuôi dưỡng. Vấn đề cấp dưỡng nuôi con chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung, tài sản riêng, công nợ, công sức, nhà ở, quyền sử dụng đất và các vấn đề khác: Chị M xác định vợ chồng không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa anh V giữ nguyên yêu cầu khởi kiện . Chị M có đơn xin xét xử vắng mặt.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến và xác định về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án là hoàn toàn đúng quy định của pháp luật; việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng,đối với nguyên đơn, bị đơn đã thực hiện đúng quy định.

Về nội dung vụ án: Đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng: Điều 56, Điều 58; Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 của Luật hôn nhân gia đình; Điều 28, Điều 35 Điều 147, Điều 227; 228; Điều 271, Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án;

Xử:

Về quan hệ hôn nhân: Cho anh V được ly hôn chị M

Về con chung: Giao cho anh V được trực tiếp nuôi dưỡng hai con chung là Hoàng Thanh Tùng, sinh ngày 28/9/2008 và Hoàng Phi Dương, sinh ngày 14/8/2015

Về cấp dưỡng nuôi con: Anh V, chị M không phải cấp dưỡng nuôi con chung cho nhau cho đến khi các đương sự có yêu cầu.

Về án phí: Buộc anh V phải chịu 300.000đ tiền án phí ly hôn sơ thẩm

Đề nghị tuyên quyền kháng cáo cho các đương sự được biết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ và các chứng cứ được thẩm tra tại phiên toà, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết:*

Xét đơn khởi kiện và yêu cầu khởi kiện tại phiên tòa của nguyên đơn anh Hoàng Văn V xác định đây là quan hệ pháp luật tranh chấp về hôn nhân và gia đình theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự. Chị Ngô Thị M có đăng ký hộ khẩu thường trú và sinh sống tại xã Q, huyện H, tỉnh Bắc Giang nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện H, tỉnh Bắc Giang theo quy định khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự, do đó Tòa án nhân dân huyện H thụ lý vụ án là đúng thẩm quyền.

Về sự vắng mặt của bị đơn là chị Ngô Thị M tại phiên tòa nhưng đã được tòa án triệu tập hợp lệ và đã có đơn xin xét xử vắng mặt. Vì vậy, Hội đồng xét xử áp dụng quy định tại Điều 227; Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự để xét xử vụ án là có căn cứ.

[2].*Về quan hệ hôn nhân*: Hội đồng xét xử xét thấy: Anh V và chị M kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện, thỏa thuận và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Q nên được xác định là hôn nhân hợp pháp. Trong quá trình chung sống anh V và chị M có mâu thuẫn, anh chị đều xác định vợ chồng không hợp nhau, không có tiếng nói chung cả về tình cảm vợ chồng, làm ăn kinh tế và nuôi dạy con cái. Anh V và chị M đều xác định tình cảm vợ chồng đến nay đã không còn, anh V đề nghị Tòa án giải quyết xin ly hôn chị M, chị M đồng ý ly hôn nhưng chị M đề nghị xét xử vắng mặt. Hội đồng xét xử xét thấy cả anh V và chị M đều không có nguyện vọng tiếp tục chung sống, mâu thuẫn hôn nhân đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài nên cần xử cho anh V được ly hôn chị M theo quy định tại Điều 56 – Luật Hôn nhân và gia đình là có căn cứ.

[3]. *Về con chung:* Anh V và chị M cùng xác định vợ chồng có 03 con chung là Hoàng Thị Ngọc Oanh, sinh ngày 08/12/2002; Hoàng Thanh Tùng, sinh ngày 28/9/2008; Hoàng Phi Dương, sinh ngày 14/8/2015. Hiện nay cả ba con chung đang ở cùng với anh V. Cháu Oanh đã trưởng thành có khả năng lao động nên anh V, chị M không yêu cầu tòa án giải quyết là có căn cứ. Cháu Tùng và cháu Dương đều có nguyện vọng ở với bố, anh V và chị M thống nhất giao hai con chung cho anh V nuôi dưỡng. Vì vậy, cần giao cho anh V nuôi cả hai con chung là Hoàng Thanh Tùng, sinh ngày 28/9/2008; Hoàng Phi Dương, sinh ngày 14/8/2015 là có căn cứ.

Về cấp dưỡng nuôi con: Anh V và chị M đều không yêu cầu giải quyết về cấp dưỡng nuôi con chung nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4]. *Về tài sản chung, tài sản riêng, công sức, công nợ, nhà ở, quyền sử dụng đất, ruộng đất và các quan hệ khác:* anh V và chị M cùng xác định vợ chồng không có không yêu cầu Tòa án giải quyết cho nên Hội đồng xét xử không xem xét .

[5]. Về án phí: Anh Hoàng Văn V phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng Điều 56, Điều 58; Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 của Luật hôn nhân gia đình; Điều 28, Điều 35; Điều 39; Điều 147, Điều 227; Điều 228; Điều 271, Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án;

Xử:

Về quan hệ hôn nhân: Anh Hoàng Văn V được ly hôn với chị Ngô Thị M.

Về con chung: Giao anh Hoàng Văn V được nuôi dưỡng hai con chung Hoàng Thanh Tùng, sinh ngày 28/9/2008; Hoàng Phi Dương, sinh ngày 14/8/2015. Chị M không phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng anh V cho đến khi các đương sự có yêu cầu. Chị Ngô Thị M được quyền đi lại thăm nom con mà không ai được cản trở.

Về án phí: anh Hoàng Văn V phải chịu 300.000đồng tiền án phí ly hôn sơ thẩm nhưng được trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đồng theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0008359 ngày 17/10/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện H. Xác nhận anh V đã nộp đủ án phí ly hôn sơ thẩm.

Báo cho đương sự có mặt biết được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- Viện kiểm sát ND H.H;
- Chi cục THA DS H. H;
- Ủy ban nhân dân xã Q;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Đào Thị Oanh